Chi tiết mã HS 7613.00.00

Mã HS	7613.00.00
Mô tả hàng hóa	Các loại thùng chứa khí nén hoặc khí hóa lỏng bằng nhôm
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 05:07:08
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/76130000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12262
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12262
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q12262
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ12262
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11608
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11551
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11551
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11551
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11551
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11551
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11551
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11603
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11603

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11603
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11603
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11603
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11603
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11604
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11604
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11604
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11604
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11604
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11604
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11607
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11557
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11563
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11563
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11563
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11563
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11563
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11563
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11596
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11596
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11596
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11596
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11596
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11596
VCFTA	2022	2022	0	VC!D11641
VCFTA	2023	2023	0	VC!E11641

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11641
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11641
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11641
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11641
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11626
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11626
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11626
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11626
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11626
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11626
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11626
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11626
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11626
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11626
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11626
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11626
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D11643
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11643
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11643
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11643
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11643
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11643
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D11642
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11642
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11642
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11642

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11642
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11642
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11589
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11589
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11589
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11589
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11589
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11589
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11589
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11626
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11626
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11626
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11626
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11626
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11626
RCEP B	2022	2022	0	B!D11626
RCEP B	2023	2023	0	B!E11626
RCEP B	2024	2024	0	B!F11626
RCEP B	2025	2025	0	B!G11626
RCEP B	2026	2026	0	B!H11626
RCEP B	2027	2027	0	B!I11626
RCEP C	2022	2022	0	C!D11626
RCEP C	2023	2023	0	C!E11626
RCEP C	2024	2024	0	C!F11626
RCEP C	2025	2025	0	C!G11626
RCEP C	2026	2026	0	C!H11626

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11626
RCEP D	2022	2022	0	D!D11625
RCEP D	2023	2023	0	D!E11625
RCEP D	2024	2024	0	D!F11625
RCEP D	2025	2025	0	D!G11625
RCEP D	2026	2026	0	D!H11625
RCEP D	2027	2027	0	D!I11625
RCEP E	2022	2022	0	E!D11629
RCEP E	2023	2023	0	E!E11629
RCEP E	2024	2024	0	E!F11629
RCEP E	2025	2025	0	E!G11629
RCEP E	2026	2026	0	E!H11629
RCEP E	2027	2027	0	E!I11629
RCEP F	2022	2022	0	F!D11626
RCEP F	2023	2023	0	F!E11626
RCEP F	2024	2024	0	F!F11626
RCEP F	2025	2025	0	F!G11626
RCEP F	2026	2026	0	F!H11626
RCEP F	2027	2027	0	F!I11626
VIFTA	2024	2024	2.6	VI!F10755
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G10755
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H10755
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I10755

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	SPHH không phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)		01/2021/TT-BLĐTBXH	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Nhôm > Kim loại quý. (Tham chiếu mã HS 2 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7613.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 7613.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12262), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
SPHH không phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.